

Bản án số: **116/2020/DS-ST**;

Ngày 29/9/2020.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Xuân Lưu.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Thành – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2020/TLST- DSST ngày 24/7/2020, về: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐST-DS ngày 27/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2020/QĐHPT ngày 12/9/2020, giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP

Địa chỉ: Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Ng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Th – Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Bích H - Cán bộ xử lý nợ

**\* Bị đơn:** Ông Nguyễn Khánh H, sinh năm 1975, *Có mặt.*

Bà Trần Thị Phương Th, sinh năm 1983, *Vắng mặt.*

Đều trú tại: Xóm, thôn Đồng Nh, xã Đông L, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1945, *Vắng mặt*

+ Bà Phùng Thị V, sinh năm 1960, *Vắng mặt*

+ Chị Nguyễn Thị Vân H, sinh năm 1978, *Vắng mặt*

+ Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1987, *Vắng mặt*

Đều trú tại: Xóm , thôn Đông L, xã Đông L, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Cháu Nguyễn Khánh G, sinh năm 2011

+ Cháu Nguyễn Khánh A, sinh năm 2014

Đều trú tại: Xóm , thôn Đồng Nh, xã Đông L, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\*Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngân hàng đã cho ông Nguyễn Khánh H và bà Trần Thị Phương T vay tiền theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0434/11/HNH/CN ký ngày 19/10/2011 và Khế ước nhận nợ số 0434.01/KUNN ký ngày 19/10/2011 là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 19/10/2011 đến 19/10/2012.

**Tài sản bảo đảm khoản vay:**

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số ; tờ bản đồ số: 0; địa chỉ: Xóm , thôn Đồng Nh, xã Đông La, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, theo “**Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**” số do Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cấp cho hộ ông Nguyễn Khánh H. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/10/2010.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Khánh H và bà Trần Thị Phương Th đã vi phạm cam kết thanh toán khoản nợ, ông Nguyễn Khánh H và bà Trần Thị Phương T mới trả cho HD số tiền là 286.073.813 đồng, trong đó: Nợ gốc là 0 đồng, Nợ lãi trong hạn là 281.162.958 đồng, Nợ lãi quá hạn là: 4.910.855 đồng.

HDB đã nhiều lần làm việc, gửi thông báo đề nghị khách hàng thanh toán khoản nợ theo nội dung cam kết và đã yêu cầu ông Nguyễn Khánh H và bà Trần Thị Phương T tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng khách hàng và bên thế chấp không thực hiện theo yêu cầu của HDB.

Tạm tính đến ngày 29/9/2020, dư nợ khoản vay của ông Nguyễn Khánh Hg và bà Trần Thị Phương Th tại HDB là: **4.899.044.000 đồng**.

- Nợ gốc: **1.500.000.000** đồng.
- Nợ lãi trong hạn: **40.941.208** đồng.
- Nợ lãi quá hạn : **3.359.044.000** đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bằng đơn này Ngân hàng HDBa) khởi kiện ông Nguyễn Khánh H và bà Trần Thị Phương Th ra trước Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội, kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông Nguyễn Khánh H và bà Trần Thị Phương T phải thanh toán ngay toàn bộ nợ cho HDB với tổng số tiền là: **4.899.044.000 đồng**, trong đó nợ gốc là: **1.500.000.000 đồng**, nợ lãi trong hạn là: **40.941.208 đồng** và nợ lãi quá hạn là: **3.359.044.000 đồng** (số liệu tính đến ngày 29/9/2020).

2. Buộc ông Nguyễn Khánh H và bà Trần Thị Phương Th phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo quy định trong các Hợp đồng tín dụng và các đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông H và bà Trần Thị Phương T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số ; tờ bản đồ số: 0; địa chỉ: Xóm , thôn Đồng N, xã Đông La, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số do Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cấp cho hộ ông Nguyễn Khánh H.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Khánh H và bà Trần Thị Phương Th đối với HDB, sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện và xử lý tài sản. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Khánh Hg và bà Trần Thị Phương Th vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho HDB bằng nguồn thu và các tài sản hợp pháp khác.

Về án phí: Ông Nguyễn Khánh H, bà Trần Thị Phương Th chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

***\*Tại bản tự khai, quá trình tố tụng, bị đơn trình bày.***

Ông thừa nhận có vay nợ của Ngân hàng số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi theo ngân hàng trình bày ngày 03/4/2020 là 3.000.000.000 đồng. Nay quan điểm của ông đến ngày 29/9/2020 còn nợ Ngân hàng số tiền **4.899.044.000 đồng**, trong đó nợ gốc là: **1.500.000.000 đồng**, nợ lãi trong hạn là: **40.941.208 đồng** và nợ lãi quá hạn là:

**3.359.044.000 đồng** (số liệu tính đến ngày 29/9/2020).

Ông bà xác nhận công nợ ngân hàng HDB số nợ như trên nhưng do khó khăn trong làm ăn nên đề nghị Ngân hàng giảm tối đa số tiền lãi để có điều kiện trả nợ cho ngân hàng, ngoài ra ông không có yêu cầu hoặc đề nghị gì. Nếu ông không trả được nợ cho ngân hàng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***\*Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C, bà Phùng Thị V, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Vân A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc và cũng không cung cấp lời khai nên không có quan điểm về vụ kiện.***

**\*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm:**

Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về buộc ông Nguyễn Khánh Hg, bà Trần Thị Phương Th phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký là **4.899.044.000 đồng**, trong đó nợ gốc là: **1.500.000.000 đồng**, nợ lãi trong hạn là: **40.941.208 đồng** và nợ lãi quá hạn là: **3.359.044.000 đồng** (số liệu tính đến ngày 29/9/2020).

Ngoài ra ông H, bà Th còn phải chịu số tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông H, bà Th không trả hết khoản nợ trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số , tờ bản đồ tại địa chỉ Xóm , thôn Đồng Nh, xã Đông L, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:***

### **[1]. Về tố tụng:**

- Tranh chấp giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Khánh H, bà Trần Thị Phương T là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng, bị đơn có Hộ khẩu thường trú tại xã Đông L, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **[2]. Về nội dung:**

#### **\*Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

**[2.1].** Ngày 19/10/2011, ông Nguyễn Khánh H, bà Trần Thị Phương Th ký Hợp đồng tín dụng số: /CN với Ngân hàng với nội dung: Số tiền vay: 1.500.000.000 đồng; mục đích vay: mua đất, thời hạn vay: 12 tháng kể từ giải ngân vốn vay đầu tiên. Ngân hàng đã giải ngân cho ông H, bà Th số tiền vay là 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*).

- Về nội dung, hình thức: Hợp đồng tín dụng số: NH/CN, ngày 19/10/2011 được ký giữa Ngân hàng và ông H, bà Th trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHHH ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. Do vậy, Hợp đồng cho vay nói trên là hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

**[2.2].** Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà T không thực hiện việc trả nợ theo cam kết, nhiều lần Ngân hàng thông báo yêu cầu ông Hg, bà To trả nợ nhưng ông H, bà Th không thực hiện. Do đó ông H, bà Th là bên có lỗi và vi phạm hợp đồng nên phải chịu hậu quả của giao dịch đã giao kết theo quy định của pháp luật. Theo thỏa thuận tại Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 0434/11/HĐTDNH/CN ngày 19/10/2011.

Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không có tranh chấp về các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký như: Tiền gốc, tiền lãi, biện pháp bảo đảm,...vv.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Khánh Hg, bà Trần Thị Phương Th phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0434/11/CN ngày 19/10/2011 tính đến ngày 29/9/2020 là **4.899.044.000 đồng**, trong đó nợ gốc là:

**1.500.000.000 đồng**, nợ lãi trong hạn là: **40.941.208 đồng** và nợ lãi quá hạn là: **3.359.044.000 đồng** (số liệu tính đến ngày 29/9/2020) là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Hư, bà Th phải chịu khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0434/11/HĐTDNH/CN ngày 19/10/2011 kể từ ngày 30/9/2019 cho đến thanh toán xong số nợ gốc cho ngân hàng.

Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với các điều khoản các bên đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng và phù hợp quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó cần buộc ông H, bà Th tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0/CN ngày 19/10/2011 cho đến thanh toán xong số nợ gốc.

[2.4]. Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn:

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng và ông H, bà T đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản đối với tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số , tờ bản đồ 0, diện tích m<sup>2</sup>, tại địa chỉ Xóm , thôn Đồng Nhn, xã Đông La, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Hoài Đức cấp cho hộ ông Nguyễn Khánh H; Hợp đồng thế chấp số công chứng 046.2010/HĐTC, ngày 07/10/2010 tại Văn phòng công chứng và Hợp đồng thế chấp sửa đổi ngày 06/10/2011, số công chứng 2404.2011/HĐTC (SDD) ngày 06/10/2011 tại văn phòng công chứng.

Xét Hợp đồng thế chấp tài sản, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được xác lập trên ý chí tự nguyện của các bên, về hình thức, thẩm quyền công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại Điều 167 và Điều 168 Luật Đất đai năm 2013; Điều 292, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên là có hiệu lực thi hành. Yêu cầu của Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp ông Hưng, bà Thảo không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.5]. Về yêu cầu của ông H, bà Th đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông được trả nợ gốc và Ngân hàng giảm tối đa lãi cho ông, tuy nhiên Ngân hàng không chấp nhận, đồng thời đây không phải là một thỏa thuận trong hợp đồng

tín dụng. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Khánh H, bà Trần Thị Phương Th.

[3]. Quan điểm của VKS nhân dân huyện Hoài Đức đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về nội dung hợp đồng tín dụng của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Khánh H, bà Trần Thị Phương Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 292, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 167 và Điều 168 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91, Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng (HDB) đối với ông Nguyễn Khánh H, bà Trần Thị Phương Th về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Nguyễn Khánh H, bà Trần Thị Phương Th trả cho Ngân hàng (HDB) số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: /CN ngày 19/10/2011, tính đến ngày 29/9/2020 là **4.899.044.000 đồng**, trong đó nợ gốc là: **1.500.000.000 đồng**, nợ lãi trong hạn là: **40.941.208 đồng** và nợ lãi quá hạn là: **3.359.044.000 đồng** (số liệu tính đến ngày 29/9/2020).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Khánh H, bà Trần Thị Phương Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho

Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Khánh H, bà Trần Thị Phương Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1<sup>B</sup>, tờ bản đồ 0, diện tích m<sup>2</sup>, tại địa chỉ Xóm , thôn Đồng Nh, xã Đông La, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Hoài Đức cấp cho hộ ông Nguyễn Khánh H; Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2046/HĐTC, ngày 07/10/2010 tại Văn phòng công chứng và Hợp đồng thế chấp sửa đổi ngày 06/10/2011, số công chứng 2404.(SĐ) ngày 06/10/2011 tại văn phòng công chứng để thu hồi nợ.

4. Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

5. Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Nguyễn Khánh H, bà Trần Thị Phương Th vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi khoản nợ được tất toán.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

7. Về án phí:

- Ông Nguyễn Khánh H, bà Trần Thị Phương Th phải chịu **112.899.000** đồng (*Một trăm mười hai triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: **59.440.000đ** (*Năm mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0009826 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

8. Về quyền kháng cáo:



Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TANDTP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- VKSND. huyện Hoài Đức;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thanh Hải**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

